

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-ST  
Ngày 29 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Trần Quốc Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Hồ Ngọc D, sinh năm 1973 (có mặt).

Cư trú: Khóm 1, thị t, huyện P, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông Hồng Văn V (vắng mặt).

Bà Phạm Thị N (vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm 6, thị t, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2020 cùng các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Ngọc D trình bày: Vào ngày 21/3/2018 bà Phạm Thị N có hỏi vay của bà với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận là 3%/tháng. Đến ngày 25/11/2018 bà Phạm Thị N tiếp tục hỏi vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Bà Phạm Thị N đóng lãi cho đến tháng 5 năm 2020 thì không đóng lãi nữa.

Quá trình vay tiền thì bà N có ký biên nhận nợ ngày 21/3/2018 và ngày 25/11/2018. Bà có yêu cầu bà N trả tiền nhiều lần nhưng bà N vẫn không thực hiện. Tại phiên tòa bà Hồ Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị

N và chồng bà N là ông Hồng Văn V trả cho bà với số tiền nợ là 60.000.000 đồng, tại phiên tòa bà không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V vắng mặt và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa bà Hồ Ngọc D với bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V được xác định là “Hợp đồng vay tài sản” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V.

### *[2] Về nội dung tranh chấp:*

Bà Hồ Ngọc D xác định giữa bà D và bà Phạm Thị N có thỏa thuận vay tiền cụ thể là vào ngày 18/3/2018 và ngày 25/11/2018 bà Phạm Thị N có hỏi vay của bà D hai lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Bà N có đóng lãi cho bà đến tháng 5/2020. Quá trình vay tiền thì bà N có ký biên nhận nợ. Bà Phạm Thị N có vay tiền của bà Hồ Ngọc D là thực tế xảy ra. Do bà N phải trả nợ gốc và lãi nhưng không thực hiện. Phía bà D đã nhiều lần yêu cầu bà N thực hiện nhưng bà N vẫn không thanh toán cho bà D. Bà N có cung cấp một Giấy nhận nợ lập ngày 21/3/2018 do bà D ký tên có nội dung về việc bà N có mượn tiền và nhận tiền đúng như bà D trình bày. Đối với bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do bà Hồ Ngọc D cung cấp, bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V cũng không có yêu cầu phản tố. Việc bà N nợ tiền của bà D trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông V. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông V và bà N trả số tiền 60.000.000 đồng. Do đó bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V phải cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Ngọc D. Từ đó buộc bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V trả cho bà Hồ Ngọc D tổng số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa bà Hồ Ngọc D không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26; 35; 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Ngọc D. Buộc bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V cùng liên đới trả cho bà Hồ Ngọc D số tiền nợ là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V cùng liên đới phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Bà Hồ Ngọc D đã nộp tạm ứng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0012190 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho bà Hồ Ngọc D.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bà Hồ Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị N và ông Hồng Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Ngọc Trọng**